TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Công Đức

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phương Anh Tư

Ông Dương Văn Đắc

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Hà Thu, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 1993. Số căn cước công dân: 020193007319, ngày cấp: 09/5/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đường Văn S, sinh năm 1985. Số căn cước công dân: 020085007608; địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đường Văn S được tự do tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới năm 2010 và đăng ký kết hôn ngày 26/12/2011 tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với bố mẹ chồng tại thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Ở chung được 02 năm vợ chồng xây nhà ra ở riêng, cách nhà bố mẹ chồng khoảng 50m. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn và có 02 người con chung. Từ năm 2017 vợ chồng chị cùng đi làm công nhân ở Bắc Ninh. Đến năm 2018, do chồng lấy sổ hộ khẩu mang đi cắm mua xe máy mới mà không bàn bạc với chị nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Từ đó, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến năm 2020, do quá nhiều mâu thuẫn, vợ chồng chị ly thân 01 năm, nếu chồng thay đổi thì sẽ quay lại. Đến cuối năm 2020, chồng chị trộm xe đạp điện và bị xử phạt vi phạm hành chính. Từ đó, do cảm thấy chồng không thể thay đổi được nữa nên vợ chồng sống ly thân, hai bên không liên lạc với nhau nữa. Anh S về nhà còn chị vẫn tiếp tục đi làm công ty. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với anh Đường Văn S.

Về con chung: Có 02 người con chung là Đường Trường G, sinh ngày 03/01/2012 và Đường Thị Phương M, sinh ngày 29/9/2018. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 10/10/2025, chị Nông Thị T yêu cầu anh Đường Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nông Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi người số tiền 1.000.000đ/tháng, tổng số tiền cấp dưỡng hai con là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2025, chị Nông Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đường Thị Phương M, sinh ngày 29/9/2018; anh Đường Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đường Trường G, sinh ngày 03/01/2012 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Nông Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai của con chưa thành niên trình bày: Cháu Đường Thị Phương M và cháu Đường Trường G là con chung của anh Đường Văn S và chị Nông Thị T. Trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu Đường Thị Phương M có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Đường Trường G có nguyện vọng được ở với bố.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Hoàng Thị L là mẹ đẻ của chị Nông Thị T trình bày: Chị Nông Thị T sau khi ly thân với anh Đường Văn S đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn B, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Nếu chị Nông Thị T được quyền nuôi con, bà đồng ý để chị T cùng cháu về ở cùng gia đình và đồng ý phụ giúp con gái chăm sóc cháu.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đường Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, không có tài liệu thể

hiện quan điểm của bị đơn trong vụ án. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại công văn xác minh của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Anh Đường Văn S có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn và vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương. Chị Nông Thị T và anh Đường Văn S đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Anh Đường Văn S khác sinh sống riêng, ở nhà lao động sản xuất nông, lâm nghiệp, có tài sản là nhà ở, đất nông nghiệp. Vợ chồng có 02 người con chung, hiện nay các con đang do anh S trực tiếp nuôi dưỡng, các con phát triển bình thường không có hành vi ngược đãi. UBND xã đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng và trực tiếp giao giấy triệu tập cho anh Đường Văn S nhưng anh S không nhận và không ký vào biên bản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, do vậy bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân & gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 02 Điều 01 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Đường Văn S. Về con chung: Giao con chung là cháu Đường P cho chị Nông Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là cháu Đường Trường G cho anh Đường Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày là không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nông Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đường Văn S có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 02 Điều 01 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Theo biên bản xác minh tại địa phương anh Đường Văn S đang sinh sống địa phương, Uỷ ban nhân dân xã đã tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng và niêm yết theo quy định. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất do vắng mặt bị đơn. Chị Nông Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Đường Văn S được tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bị đơn để trình bày quan điểm, tổ chức hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do thể hiện việc không mong muốn đoàn tụ gia đình. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nông Thị T và anh Đường Văn S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giải quyết cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Đường Văn S.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung là Đường Trường G, sinh ngày 03/01/2012 và Đường Thị Phương M, sinh ngày 29/9/2018. Xét thấy, cháu Đường Trường G là con trai, cháu Đường Thị Phương M là con gái; hiện các cháu đều còn nhỏ, đang trong giai đoạn cần sự chăm sóc, giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý theo giới tính. Việc giao cháu trai cho bố trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cháu gái cho mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nhu cầu phát triển về thể chất, tâm lý, nhân cách của từng cháu. Mặt khác, cả anh Đường Văn S và chị Nông Thị T đều có đủ điều kiện về kinh tế, nơi ở ổn định để trực tiếp nuôi con; việc mỗi bên trực tiếp nuôi một con sẽ bảo đảm các cháu đều được chăm sóc đầy đủ, đồng thời vẫn giữ được mối quan hệ tình cảm gắn bó giữa các con với cả cha và mẹ. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Đường Trường G cho anh Đường Văn S trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đường Thị Phương M cho chị Nông Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ em và cũng phù hợp với nguyện

vọng của các cháu. Không xem xét về cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung do nguyên đơn không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 24; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nông Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 02 Điều 01 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 24; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Đường Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Đường Trường G, sinh ngày 03/01/2012 cho anh Đường Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Đường Thị Phương M, sinh ngày 29/9/2018 cho chị Nông Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trường hợp cần thiết sau khi ly hôn hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000474 ngày 10/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn;
- UBND xã Tân Văn, T. Lạng Sơn; (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Công Đức